

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học	8			2	8				
Giải quyết vấn đề Toán học	4			2	4				4
Mô hình hóa Toán học									1
Tổng	12			4	12				5

MA TRẬN ĐẶC TẢ

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN 4 lựa chọn 12 câu 3 điểm	1	TD 3.2			Phép tính lũy thừa	Nhận biết: Nhận diện công thức đúng sai, câu hỏi lý thuyết - Thực hiện 4 phép toán cộng trừ nhân chia lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa với số mũ không nguyên.
	2	TD 3.2				
	3	TD 3.2				
	4		TD 3.2		Phép tính lôgarit	Thông hiểu: - Rút gọn, tính toán biểu thức lôgarit đơn giản bằng cách áp dụng các công thức lôgarit . - Biểu diễn lôgarit này theo lôgarit khác (đơn giản)
	5		TD 3.2		Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	Thông hiểu: - Tìm được tập xác định của của các hàm số mũ, lôgarit. - Nhận biết được đồ thị của các hàm số lũy thừa , mũ, lôgarit với số mũ cụ thể
	6		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	7	TD 3.2			Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	Nhận biết: - Giải phương trình, bất phương trình mũ cơ bản - Giải phương trình, bất phương trình logarit cơ bản
	8	TD 3.2			Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	
	9	TD 1.2			Hai đường thẳng vuông góc	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian
	10	TD 3.2			Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	Nhận biết: - Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc. - Chứng minh đường thẳng vuông góc với mặt phẳng khi có sẵn 2 đường thẳng cắt nhau nằm trong mặt phẳng vuông góc với đường thẳng.
	11	TD 3.2			Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	
	12		TD 3.2		Hai mặt phẳng vuông góc	Thông hiểu: - Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc khi mặt phẳng này có sẵn đường thẳng vuông góc với 2 đường thẳng cắt nhau trong mặt phẳng kia. - Tính góc giữa mặt bên với mặt đáy có sẵn 2 đường thẳng vuông góc với giao tuyến của mặt bên với đáy.
TN đúng sai 4 câu 4 điểm	1					
	a	TD 1.2			Phép tính lũy thừa	Nhận biết: Nhận diện công thức đúng sai, câu hỏi lý thuyết - Thực hiện 4 phép toán cộng trừ nhân chia lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa với số mũ không nguyên. Thông hiểu: - Rút gọn biểu thức lũy thừa. - Hiểu được khi nào chuyển được từ căn thức sang hữu tỉ.
	b		TD 3.2			
	c	TD 1.2			Phép tính lôgarit	Nhận biết:

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	d		GQ 3.1			- Các câu hỏi lý thuyết, tính chất. - Các tính toán rất đơn giản theo định nghĩa. Thông hiểu: - Rút gọn, tính toán biểu thức logarit đơn giản bằng cách áp dụng các công thức logarit . - Biểu diễn lôgarit này theo lôgarit khác (đơn giản)
	2					
	a	TD 3.2			Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	Nhận biết: - Giải phương trình, bất phương trình mũ cơ bản - Giải phương trình, bất phương trình logarit cơ bản Thông hiểu: - Giải phương trình, bất phương trình mũ, logarit đưa về cùng cơ số - Giải phương trình, bất phương trình mũ bằng phương pháp ần số phụ đơn giản. - Giải phương trình, bất phương trình logarit bằng phương pháp ần số phụ đơn giản
	b	TD 3.2				
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			
	3					
	a	GQ 1.5			Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết, tính chất - Nhận biết được hàm số mũ, , hàm số logarit. - Tìm được tập xác định của các hàm số mũ, logarit. Thông hiểu: - Tìm được tập xác định của của các hàm số mũ, logarit. - Nhận biết được đồ thị của các hàm số lũy thừa , mũ, logarit với số mũ cụ thể.
	b	TD 3.2				
	c		GQ 1.2			
	d		GQ 1.2			
	4					
	a	GQ 1.5			Hai đường thẳng vuông góc	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	b		GQ 1.2		Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	Nhận biết: - Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc. - Chứng minh đường thẳng vuông góc với mặt phẳng khi có sẵn 2 đường thẳng cắt nhau nằm trong mặt phẳng vuông góc với đường thẳng. Thông hiểu: - Chứng minh đường thẳng vuông góc với mặt phẳng khi có sẵn 1 đường thẳng nằm trong mặt phẳng vuông góc với đường thẳng, đường thẳng còn lại thông qua 1 bước chứng minh. - Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Giải thích được định lý ba đường vuông góc. - Giải thích được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác.
	c	GQ 1.2				
	d		GQ 1.2		Hai mặt phẳng vuông góc	Thông hiểu: - Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc khi mặt phẳng này có sẵn đường thẳng vuông góc với 2 đường thẳng cắt nhau trong mặt phẳng kia. - Tính góc giữa mặt bên với mặt đáy có sẵn 2 đường thẳng vuông góc với giao tuyến của mặt bên với đáy.
Tự luận 2 câu 3 điểm	1					
	a			GQ 2.2	Hàm số mũ. Hàm số lôgarit Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	Vận dụng - Giải phương trình / bất phương trình mũ, logarit (0,5 điểm) - Bài toán thực tế (1 điểm)
	b			MH 2.2		
	2				Đường thẳng vuông góc mặt phẳng Hai mặt phẳng vuông góc	Vận dụng: - Chứng minh đường thẳng vuông góc với mặt phẳng mà một yếu tố vuông góc cần được chứng minh (bằng định lý đảo Pytago, tính góc bằng đồng dạng,...)
	a			GQ 2.2		
	b			GQ 2.2		
	c			GQ 2.2		

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
						- Chứng minh mặt phẳng vuông góc với mặt phẳng thông qua 2,3 bước chứng minh vuông góc - Xác định góc giữa hai mặt phẳng
TỔNG		16	12	5		
TỈ LỆ %		40	30	30		
TỔNG ĐIỂM		4	3	3	10	

NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TD1. Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	TD1.1. Thực hiện được tương đối thành thạo các thao tác tư duy. TD1.2. Phát hiện được sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống tương đối phức tạp. TD1.3. Lí giải được kết quả của việc quan sát .
TD2. Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	TD2.1. Sử dụng được các phương pháp lập luận để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.2. Sử dụng được các phương pháp quy nạp để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.3. Sử dụng được các phương pháp suy diễn để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề.
TD3. Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện học toán.	TD3.1. Nêu được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.2. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.3. Giải thích được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.4. Chứng minh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.5. Điều chỉnh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
GQ1. Nhận biết , phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	GQ1.1. Xác định được tình huống có vấn đề; GQ1.2. Thu thập được thông tin; GQ1.3. Sắp xếp được thông tin; GQ1.4. Giải thích được thông tin; GQ1.5. Đánh giá được độ tin cậy của thông tin; GQ1.6. Chia sẻ được sự am hiểu vấn đề với người khác.
GQ2. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	GQ2.1. Lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. GQ2.2. Thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
GQ3. Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	GQ3.1. Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề. GQ3.2. Trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
GQ4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự.	GQ4.1. Đánh giá được giải pháp đã thực hiện. GQ4.2. Phản ánh được giá trị của giải pháp. GQ4.3. Khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
MH1. Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	MH1.1. Thiết lập được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, sơ đồ, hình vẽ, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả tình huống đặt ra trong một số bài toán thực tiễn.
MH2. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	MH2.1. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.
MH3. Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	MH3.1. Lí giải được tính đúng đắn của lời giải (những kết luận thu được từ các tính toán là có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn hay không). MH3.2. Nhận biết được cách đơn giản hoá, cách điều chỉnh những yêu cầu thực tiễn (xấp xỉ, bổ sung thêm giả thiết, tổng quát hóa,...) để đưa đến những bài toán giải được.



TỔ NGŨ VĂN

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN NGŨ VĂN KHỐI 11

1. MA TRẬN

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	
I	Đọc	- Văn bản Nghị luận - Văn bản Kí	5	2	15%	2	25%	1	10%	50%
II	Viết	Viết bài nghị luận văn học (Thơ Nguyễn Du)	1	15%		15%		20%		50%
Tỷ lệ				30%	40%		30%		100%	
Tổng			6	100%						

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức / Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	ĐỌC HIỂU	<i>Văn bản Nghị luận xã hội (bàn về một vấn đề trong đời sống)</i>	Nhận biết: - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết;	2	2	1

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức / Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Phân tích được hiệu quả của một số biện pháp tu từ - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. Vận dụng: - Nêu được thông điệp, tư tưởng; ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.			
		<i>Văn bản Kí (Tuỳ bút, Tản văn)</i>	Nhận biết - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản. - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình. Thông hiểu - Phân tích, lí giải được ý nghĩa đề tài, nhan đề, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản. - Phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Phân tích và đánh giá về cách sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong văn bản. - Phân tích hiệu quả hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường. - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; Vận dụng - Nêu được ý nghĩa, thông điệp hay tác động của văn bản tới quan niệm của	2	2	1

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức / Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
			bản thân về cuộc sống hoặc văn học. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra.			
2	VIẾT	<i>Nghị luận Văn học (Thơ Nguyễn Du-chữ Hán và chữ Nôm)</i>	Nhận biết: - Giới thiệu thông tin chính về tác giả, tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của văn bản nghị luận. - Nhận biết được vần, nhịp, hình ảnh, nhân vật trữ tình, thủ pháp nghệ thuật, thể thơ... - Nêu được vấn đề cần nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được nội dung khái quát của văn bản. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp, cảm hứng chủ đạo trong văn bản thơ. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng : - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. Vận dụng cao - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.	*	*	1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

TỔ NGOẠI NGỮ

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH

GIỮA HỌC KỲ 2 - KHỐI 11

NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Tự luận

MA TRẬN

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Phonetics	4						4	0
2	Word choice	4		1		1		6	0
3	Word form				2		3	0	5
4	Verb tenses				1			0	1
5	Gerund and Infinitives	1			1	1	1	2	2
6	Perfect participle			1		1	1	2	1
7	Cleft sentence	1				1	1	2	1
8	Synonyms/ Antonyms	2		2				4	0
9	Reading Comprehension	1		1		3		5	0
10	Complete an announcement/ advertisement	1		2				3	0
11	Cloze text	6		2		2		10	0
12	Sentence Sequencing			2				2	0
TỔNG		20		11	4	9	6	40	10
TỈ LỆ		40%		30%		30%		80%	20%

BẢNG ĐẶC TẢ

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CHUẨN KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		NB	TH	VD
Phonetics	Nhận biết: - Xác định được vị trí dấu nhấn của từ có 2 hoặc 3 âm tiết - Phát âm đúng các phụ âm trong 1 từ	4		
Word choice (Unit 6,7,8)	Nhận biết: - Nhớ nghĩa từ đã học và chọn từ đúng Thông hiểu: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng phù hợp ý của câu Vận dụng: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng, phù hợp ý của câu, phân biệt được so với các đáp án khác.	4	1	1
Word form (Unit 6,7,8)	Thông hiểu: - Xác định được từ loại và điền từ nghĩa phù hợp Vận dụng: - Xác định được từ loại và biết vận dụng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ phù hợp, với 1 gốc từ có nhiều từ cùng từ loại.		2	3
Verb tenses	Thông hiểu: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu, biết phối hợp thì		1	

Perfect participle	Nhận biết: - Nhận biết Perfect participle qua các dấu hiệu cho sẵn Thông hiểu: - Perfect participle ở dạng bị động	1		2
Gerund and Infinitives	Thông hiểu: - Hiểu sự khác nhau về nghĩa của Infinitive và Gerund theo sau cùng 1 động từ Vận dụng: - Chuyển câu từ Gerund sang Infinitives không làm đổi nghĩa	1	1	2
Cleft sentence	Nhận biết: - Dùng cleft sentence để nhấn mạnh S/O/Adv Vận dụng: - Cleft sentence ở thể bị động	1		2
Synonyms/ Antonyms	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của từ vựng Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ trong ngữ cảnh để lựa chọn từ đồng nghĩa/ trái nghĩa	2	2	
Reading Comprehension (Unit 6,7,8)	Nhận biết: - Nhận biết từ khóa trong câu hỏi, chọn được câu trả lời phù hợp từ dữ liệu trong bài Thông hiểu: - Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật về các chủ đề đã học. Vận dụng: - Rút ra các suy luận từ đoạn văn	1	1	3
Complete an announcement/ advertisement	- Hiểu được những thông tin quan trọng trong các quảng cáo thường nhật. - Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay.	1	2	

Cloze test (Unit 6,7,8)	Nhận biết: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ đúng, phù hợp Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của từ và chọn từ, phân biệt được với các đáp án cùng loại từ Vận dụng: - Sử dụng kết hợp các cụm kết hợp từ, các thành ngữ, giới từ đi kèm	6	2	2
Sentence Sequencing	Thông hiểu: - Hiểu nội dung và thực hiện việc sắp xếp lại các câu theo đúng cấu trúc và ngữ nghĩa để tạo thành 1 lá thư hoàn chỉnh		2	
Tổng		20	15	15

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MÔN: VẬT LÝ 11 – SÁCH GIÁO KHOA CÁNH DIỀU
BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CHO ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực	Cấp độ tư duy								
	PHẦN 1 TL			PHẦN 2 (4 CÂU ĐÚNG SAI)			PHẦN 3 (3 CÂU TỰ LUẬN)		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức vật lí	6	1		3	2			1	
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	2	2		3	2	1		1	1
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	0	1		2	2	1		1	2
TỔNG	12 CÂU			16 CÂU			3 CÂU		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 (2024 – 2025)
MÔN: VẬT LÝ 11 – SÁCH GIÁO KHOA CÁNH DIỀU CÁNH DIỀU

Nội dung	Cấp độ	NĂng lực			Số ý/câu		
		Nhận thức vật lí	Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	TN nhiều đáp án (số ý)	TN đúng sai (số ý)	Tự luận (số câu)
1. Lực tương tác giữa các điện tích.	Nhận biết	- Mô tả được sự hút (hoặc đẩy) của các điện tích điểm - Đơn vị đo điện tích.	- Mô tả được thí nghiệm hoặc các ví dụ trong thực tế về sự tương tác của các vật nhiễm điện. Nhận biết được khi nào vật nhiễm điện.		2	2	
	Thông hiểu	- Phát biểu được Định luật Coulomb và mô tả được các đặc điểm của lực điện (điểm đặt, phương, chiều, độ lớn). - Nêu được giá trị và đơn vị của hằng số điện k.	- Nhận biết được lực tương tác giữa 2 điện tích điểm trong điện môi đồng tính. - Nhận biết được sự phân bố lại điện tích khi 2 điện tích tiếp tiếp xúc nhau.		1	2	
	Vận dụng	- Xác định phương và chiều của lực tương tác gây ra bởi 2 điện tích điểm.	- Bài toán lực điện tổng hợp lên điện tích điểm thứ 3.	- Sử dụng biểu thức $F = k \cdot \frac{q_1 \cdot q_2}{\epsilon r^2}$ để tính và mô tả được lực tương tác giữa 2 điện tích trong chân không và trong điện môi.	1	1	2
2. Điện trường	Nhận biết	- Nêu được khái niệm điện trường. - Nêu được ý nghĩa của cường độ điện trường và định nghĩa của cường độ điện trường tại một điểm.	- Nhận biết được sự tồn tại của điện trường thông qua các đường hạt bột gọi là “điện phổ”.		2	1	

	Thông hiểu	- Nhận biết chiều đường sức điện của một số hệ điện tích đơn giản. - Xác định được dấu của các điện tích điểm dựa vào chiều của các đường sức điện. - Mô tả được quỹ đạo chuyển động của điện tích bay vào điện trường theo phương vuông góc với điện tích.	- Dựa vào mô hình đường sức điện, xác định vị trí mà tại đó cường độ điện trường mạnh hay yếu.	- Nêu được biểu thức $E = \frac{F}{ q } = k \frac{ Q }{r^2}$ xác định cường độ điện trường tại một điểm do điện tích điểm Q gây ra tại một điểm cách r. - Xác định được hướng và độ lớn của lực điện tác dụng lên điện tích thử q ($q > 0$; $q < 0$) khi đặt trong điện trường đều.	2	2	
	Vận dụng	- Sử dụng biểu thức $E = \frac{U}{d}$ tính được cường độ điện trường đều giữa hai bản phẳng nhiễm điện đặt song song.		- Bài toán điện tích cân bằng trong điện trường đều (điện tích chịu tác dụng của 2 lực và 3 lực đồng quy).		1	2
3. Điện thế - Hiệu điện thế	Nhận biết	- Nêu được định nghĩa điện thế, hiệu điện thế và nêu đơn vị đo. - Nêu được mối liên hệ giữa công của lực điện trường và hiệu điện thế.	- Nêu được đặc điểm công của lực điện trường.		2	1	
	Thông hiểu		- Hiểu được hiệu điện thế giới hạn đặt vào bộ tụ, biết được hiện tượng tụ bị đánh thủng.		2	1	
	Vận dụng	- Tính công của lực điện tác dụng lên điện tích di chuyển trong điện trường đều.	- Hiểu được điện tích di chuyển theo chiều giảm thế năng.	- Xác định hiệu điện thế giữa hai điểm M, N khi biết công của lực điện tác dụng lên điện tích q di chuyển từ M đến N.		2	
4. Tụ điện	Nhận biết	- Định nghĩa được điện dung và đơn vị đo điện	- Nhận biết kí hiệu tụ điện trong sơ đồ mạch điện.		2	1	

		dung	- Hiểu được năng lượng tụ điện chính là năng lượng điện trường trong tụ.				
	Thông hiểu	- Xác định được điện tích tụ điện, hoặc hiệu điện thế giữa hai bản tụ, hoặc điện tích của tụ điện khi biết hai đại lượng còn lại. - Nêu được công thức tính năng lượng của tụ điện.	- Hiểu được số liệu ghi trên tụ điện. Từ đó tính được điện tích cực đại tích cho tụ.			2	
	Vận dụng			- Xác định hiệu điện thế giới hạn khi đặt vào tụ.			2

MA TRẬN – HÓA 11 – GIỮA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận – Thời gian: 45 phút

Chủ đề lựa chọn	Số lệnh hỏi																								
	Nhận thức hoá học											Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG
	BIẾT		HIỂU					VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG				VẬN DỤNG						
	HH. 1.1	HH. 1.2	HH. 1.2	HH. 1.3	HH. 1.4	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.7	HH. 1.8	HH. 2.1	HH. 2.1	HH. 2.2	HH. 2.2	HH. 2.3	HH. 2.4	HH. 2.5	HH. 3.1	HH. 3.2	HH. 3.3	HH. 3.4	HH. 3.5		
1. ALKANE	1	4		2					1															8	
2. ALKENE- ALKYNE	3	5							1					3										12	
3. ARENE	1													1									3	5	
4. TỔNG HỢP	1				2							1		1								1		6	
Tổng lệnh hỏi	15		4					2				1	5		0				4					31	
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
	21											6								4					31
	60%											15%								25%					100%
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ	BIẾT											HIỂU								VẬN DỤNG					
	16											9								6					31
	40%											30%								30%					100%

MA TRẬN CHI TIẾT – HÓA 11 – GIỮA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm và Tự luận – Thời gian: 45 phút

Chủ đề lựa chọn	Dạng thức	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy																									
		Nhận thức hoá học												Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG
		BIẾT		HIỂU						VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU			VẬN DỤNG				VẬN DỤNG					
		HH. 1.1	HH. 1.2	HH. 1.2	HH. 1.3	HH. 1.4	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.7	HH. 1.8	HH. 2.1	HH. 2.1	HH. 2.2	HH. 2.2	HH. 2.3	HH. 2.4	HH. 2.4	HH.2. 5	HH. 3.1	HH. 3.2	HH. 3.3	HH. 3.4	HH. 3.5		
1. ALKANE	TN	I.4	I.1 I.2 II.1a II.1b		II.1c II.1d					I.3																2	
	TL																										
2. ALKENE ALKYNE	TN	I.5 I.6 I.9	I.7 I.8 I.10 II.2a II.2b							I.11					I.12 II.2c II.2d											3	
	TL																										
3. ARENE	TN	II.3a													II.3b									II.3c II.3d	2		
	TL																							III.3			
4. TỔNG HỢP	TN	II.4a				II.4c							II.4b		II.4d											3	
	TL					III.1																III.2					
Điểm		3.75		1.75						0.5				0.25	1.25			0				2.5					10
Số lệnh hỏi		15		4						2				1	5			0				4					31
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực		HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC												HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
		21												6								4					31
		60%												15%								25%					100%
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ		BIẾT												HIỂU								VẬN DỤNG					
		16												9								6					31
		40%												30%								30%					100%

BẢNG ĐẶC TẢ – HÓA 11 – GIỮA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận – Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Trắc nghiệm			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	HYDROCARBON	Alkane	Nhận biết HH.1.1 Nêu được khái niệm về alkane, nguồn alkane trong tự nhiên, công thức chung của alkane. HH.1.2 Trình bày quy tắc gọi tên theo danh pháp thay thế; áp dụng gọi tên cho một số alkane (C1 đến C10) mạch không phân nhánh và một số alkane mạch nhánh chứa không quá 5 nguyên tử C. HH.1.2 Trình bày được và giải thích được đặc điểm về tính chất vật lí của một số alkane. HH.2.1 Trình bày được các ứng dụng của alkane trong thực tiễn và cách điều chế alkane trong công nghiệp.	I.1 I.2 I.4 II.1a II.1b					
			Thông hiểu HH.1.3 Trình bày đặc điểm về liên kết hóa học trong phân tử alkane, hình dạng phân tử của methane, ethane; xác định sản phẩm của phản ứng thế, cracking, reforming, phản ứng oxi hóa hoàn toàn, phản ứng oxi hóa không hoàn toàn . HH.2.2 Thực hiện được thí nghiệm: hexane với dung dịch thuốc tím, với nước bromine ở nhiệt độ thường và khi đun nóng (hoặc chiếu sáng), đốt cháy hexane; quan sát, mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của alkane.		II.1c II.1d				
			Vận dụng HH.3.1 Hiểu và thực hiện được một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường do các phương tiện giao thông gây ra. HH.1.6 Dựa vào dữ kiện cho trước suy ra công thức phân tử, công thức cấu tạo alkane. HH.3.5 Các dạng bài tập thực tiễn về alkane (tính nhiệt lượng, thành phần chất trong các nguyên liệu).			I.3			
2			Nhận biết	I.5					

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Trắc nghiệm			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
		Alkene - Alkyne	HH.1.1 Nêu được khái niệm về alkene, alkyne công thức chung của alkene, alkyne đặc điểm liên kết, hình dạng phân tử của ethylene, acetylene. HH.1.2 Gọi tên thay thế một số alkene, alkyne tên thông thường một vài alkene, alkyne thường gặp. HH.1.1 Nêu được khái niệm và xác định được cấu tạo alkene có đồng phân hình học, xác định đồng phân hình học (cis, trans) trong một số trường hợp đơn giản. HH.1.1 Tính chất vật lí chung (quy luật biến đổi về trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan). Trình bày được ứng dụng của các alkene, alkyne trong thực tiễn. HH.1.2 Trình bày được các tính chất hóa học của alkene, alkyne: phản ứng cộng hydrogen, cộng halogen (bromine); cộng hydrogen halide (HBr) và cộng nước; quy tắc Markovnikov; phản ứng trùng hợp của alkene; phản ứng của alk-1-yne với dung dịch AgNO ₃ trong NH ₃ ; phản ứng oxi hóa (phản ứng làm mất màu thuốc tím của alkene, phản ứng cháy của alkene, alkyne). HH.1.2 Phương pháp điều chế alkene + Trong phòng thí nghiệm (phản ứng dehydrate hóa alcohol để điều chế alkene). + Trong công nghiệp (phản ứng cracking điều chế alkene). HH.1.2 Phương pháp điều chế acetylene + Trong phòng thí nghiệm (từ calcium carbide điều chế acetylene). + Trong công nghiệp (điều chế acetylene từ methane).	I.6 I.7 I.8 I.9 I.10 II.2a II.2b					
			Thông hiểu HH.2.2 Thực hiện được thí nghiệm điều chế và thử tính chất của ethylene và acetylene (phản ứng cháy, phản ứng với nước bromine, phản ứng làm mất màu thuốc tím); HH.2.2 Mô tả, giải thích các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của alkene, alkyne.		I.12 II.2c II.2d				
			Vận dụng			I.11			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Trắc nghiệm			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
3			HH.3.5 Vận dụng tính chất của alkene, alkyne trong việc sử dụng làm nhiên liệu (acetylene), nguyên liệu tổng hợp polymer (alkene). HH.1.6 Dựa vào tính chất hóa học và biện luận để tìm công thức phân tử alkene, alkyne, tìm lượng chất trong bài toán.						
		Arene	Nhận biết HH.1.1 Nêu được khái niệm về arene, công thức chung dãy đồng đẳng benzene. Viết được công thức và gọi tên một số arene. HH.1.2 Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên của một số arene, đặc điểm liên kết và hình dạng phân tử benzene. HH.1.2 Trình bày được tính chất hóa học đặc trưng của arene (hoặc qua mô tả thí nghiệm) +Phản ứng thế của benzene và toluene. +Phản ứng cộng chlorine, hydrogen vào vòng benzene. +Phản ứng oxi hóa hoàn toàn , oxi hóa nhóm alkyl. HH.1.2 Trình bày được phương pháp điều chế arene trong công nghiệp. HH.1.2 Trình bày được ứng dụng của arene và đưa ra được cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng arene trong việc bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.	II.3a					
			Thông hiểu HH.2.2 Thực hiện được (hoặc quan sát qua video hoặc mô tả) thí nghiệm nitro hóa benzene, cộng chlorine vào benzene, oxi hóa benzene và toluene bằng dung dịch KMnO ₄ ; mô tả được các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của arene. HH.2.2 Thông qua các hiện tượng thí nghiệm để xác định một số arene.		II.3b				
			Vận dụng HH.2.3 Vận dụng quy tắc thế để viết được công thức cấu tạo của các sản phẩm chính trong phản ứng thế nguyên tử H của vòng benzene trong phân tử các alkylbenzene.			II.3c II.3d			III.3

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Trắc nghiệm			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
			HH.3.5 Vận dụng tính chất của arene trong việc sử dụng làm nhiên liệu, nguyên liệu để tổng hợp các chất khác có nhiều ứng dụng. HH.3.5 Vận dụng tính chất hóa học của các arene lựa chọn thuốc thử thích hợp để nhận biết, phân biệt các arene						
4		Tổng hợp	Biết HH.1.1 Tính chất vật lí chung của các hydrocarbon (quy luật biến đổi về trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng, tính tan). HH.2.1 Nêu được các ứng dụng của các hydrocarbon trong thực tiễn.	II.4a II.4b					
			Hiểu HH.1.4. So sánh được phản ứng oxi hóa hoàn toàn các hydrocarbon HH.1.4 Dựa tính chất của các hydrocarbon viết các phương trình hóa học theo sơ đồ chuyển hóa giữa các chất. HH.2.2 Dựa vào nhiệt phản ứng để xác định nhiệt tỏa ra khi đốt cháy các hydrocarbon			II.4c II.4d			
			Vận dụng HH.3.3 Vận dụng tính chất hóa học của các hydrocarbon lựa chọn thuốc thử thích hợp để nhận biết, phân biệt các chất, giải quyết tình huống lộ dung dịch bị mất nhãn.					III.1	III.2
Tổng lệnh hỏi				16	8	4	0	1	2

MA TRẬN MÔN SINH 11 – GIỮA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025
Thời gian: 45 phút

Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy									
		TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng -sai			Tự luận			Tổng
		B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	
Bài 17: Cảm ứng ở động vật	- Khái niệm, hình thức cảm ứng ở động vật.	1	0	0	1	0	0	0	0	0	2
	- Cấu tạo, chức năng neuron thần kinh, phân biệt tốc độ lan truyền xung thần kinh.	1	1	1	1	1	1	1	0	1	8
	- Các dạng tổ chức thần kinh										
	- Cấu tạo và cơ chế truyền tin qua synapse.	1	0	1	1	1	0	0	1	1	6
	- Các loại synapse.										
	- Cung phản xạ, các loại phản xạ.	1	1	1	1	1	1	1	0	0	7
	- Phân biệt vai trò các loại thụ thể										
	- Một số bệnh về hệ thần kinh, cách bảo vệ hệ thần kinh.	1	1	0	1	0	0	0	1	0	4
Bài 18: Tập tính ở động vật	- Khái niệm tập tính.	1	0	1	1	1	1	0	0	0	5
	- Phân biệt các loại tập tính.										
	- Nhận diện các loại tập tính thông qua hành vi của sinh vật.	1	1	0	1	1	1	0	0	1	6

	- Ứng dụng tập tính trong thực tế	0	1	0	0	0	0	0	0	1	2
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ nhận thức		Biết 16 40%			Hiểu 16 40%			Vận dụng 8 20%			40 100%

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II - LỊCH SỬ 11
NĂM HỌC 2024-2025

I. Xây dựng ma trận đề kiểm tra định kì

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	1. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	2	2		2 (ý)	1 (ý)	1 (ý)				2+2 (ý)	2+ 1 (ý)	1 (ý)	20%
2	CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	2. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	3	3		4 (ý)	2 (ý)	2 (ý)			2	3+4 (ý)	3+2 (ý)	2 (ý)	55 %
		3. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)	3	3		2 (ý)	1 (ý)	1 (ý)				3+ 2 (ý)	3+1 (ý)	2+1 (ý)	25%
Tổng số câu			8	8		8 (ý)	4 (ý)	4 (ý)			2	8+8(ý)	8+4 (ý)	1+4 (ý)	
Tổng số điểm			4			3		1			2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			80 %						20%			40%	40%	20%	100

II. Xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra định kì

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
1	CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	1.Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	Nhận biết – Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. – Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. – Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương). NLTH)	2	2	
			Thông hiểu Hiểu được ảnh hưởng của chế độ thực dân với các nước thuộc địa. Liên hệ thực tế ở Việt Nam (NL TD)	2	1	
			Vận dụng – Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay. – Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. (NLVD)		1	
2	CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN	2. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	Nhận biết – Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. – Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến	3	4	

	TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)		thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. – Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. (NLTH)			
			Thông hiểu – Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. – Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. (NLTD)	3	2	
			Vận dụng – Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương. – Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. (NLVD)		2	2
3		3. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ	Nhận biết – Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. – Nêu được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. – Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.	3	2	

		thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)	– Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc. – Trình bày được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. – Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. (NLTH)			
			Thông hiểu - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn; trình bày được bối cảnh lịch sử, những diễn biến chính và nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.(NLTD)	3	1	
			Vận dụng – Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. – Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. (NLVD)		1	
Số câu				16	4(a,b,c,d)	2
Tỉ lệ%				80%		20
Số điểm				80%		20

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ 11 - NĂM HỌC: 2024-2025

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng- Sai	Trả lời ngắn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chủ đề 1 Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	Nội dung 1 Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.	16	4	0	2

			– Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích.				
		Nội dung 2 Dân cư, xã hội Kinh tế	Nhận biết - Trình bày được dân cư, xã hội. - Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ). - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành nền kinh tế Hoa Kỳ. Thông hiểu – Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích.				

2	Chủ đề 2 Liên bang Nga	Nội dung 1 Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Nhận biết - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi. – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.				
		Nội dung 2 Dân cư, xã hội	Nhận biết - Trình bày được dân cư, xã hội Thông hiểu – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng				

			– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi. – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.				
		Nội dung 3 Kinh tế	Nhận biết – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi. – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí.				
Tổng hợp chung				40%	40%	0%	20%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II-Năm học: 2024-2025
MÔN: GDKT&PL11

ST T	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ TƯ DUY																		Tổng số câu		Điể m
			PHẦN I						PHẦN II						PHẦN III								
			Biết		Hiểu		Vận dung		Biết		Hiểu		Vận dung		Biết		Hiểu		Vận dung				
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Quyền bình đẳng của công dân	Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	2		2		1		1								1				6	1	3.25
2		Bình đẳng giới	2		2		2				1		1								8		3.50
3		Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	1		2		2		1										1		6	1	3.25
	Tổng số câu		5		6		5		2		1		1				1		1		20	2	10.0

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1
MÔN: GDKT&PL11

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	PHẦN I			PHẦN II			PHẦN III		
				Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Quyền bình đẳng của công dân Chủ đề: Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội	Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật trong các tình huống đơn giản, cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.	2	1	2	1					1
2		Bình đẳng giới	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, giáo dục và đào tạo, lao động, gia đình, kinh tế và xã hội. - Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong	2	2	2		1	1			

			các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.								
3		Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo của công dân.	2	2	1		1		1	
4	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			6	5	5	1	2	1	1	1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chương V: Giới Thiệu Chung Về Cơ Khí Động Lực	Bài 15: Khái quát về cơ khí động lực	3	1		1	1	2				4	2	2	20
		Bài 16: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực	3	1		1	1	2		1		4	3	2	30
2	Chương VI: Động Cơ Đốt Trong	Bài 17: Đại cương về động cơ đốt trong	3	1		2	2	4				5	3	4	30
		Bài 18: Nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong	3	1							1	3	1	1	20
Tổng số câu			12	4	0	4	4	8	0	1	1	16	9	9	
Tổng số điểm			3	1	0	1	1	2	0	1	1	4	3	3	10,0
Tỉ lệ %			40			40			20			40	30	30	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương V: Giới Thiệu Chung Về Cơ Khí Động Lực	Bài 15: Khái quát về cơ khí động lực	- Nhận biết: + Trình bày được cấu tạo, vai trò của từng bộ phận trong hệ thống cơ khí động lực.	3	1	
			- Thông hiểu: + Phân biệt được một số máy móc thường gặp thuộc lĩnh vực cơ khí động lực.	1	1	
			- Vận dụng: + Kiểm tra được một số máy móc thường gặp thuộc lĩnh vực cơ khí động lực vào thực tế.		2	
		Bài 16: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực	- Nhận biết: + Nhận biết một số ngành nghề phổ biến liên quan đến cơ khí động lực.	3	1	
			- Thông hiểu: + Phân biệt một số ngành nghề phổ biến liên quan đến cơ khí động lực.	1	1	1

			- Vận dụng: + Xác định một số ngành nghề phổ biến liên quan đến cơ khí động lực.		2	
2	Chương VI: Động Cơ Đốt Trong	Bài 17: Đại cương về động cơ đốt trong	- Nhận biết: + Trình bày được khái niệm, phân loại động cơ đốt trong.	3	2	
			- Thông hiểu: + Trình bày được khái niệm, phân loại động cơ đốt trong.	1	2	
			- Vận dụng: + Trình bày được khái niệm, phân loại động cơ đốt trong.		4	
		Bài 18: Nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong.	- Nhận biết: + Trình bày được khái niệm nguyên lý động cơ đốt trong.	3		
			- Thông hiểu: + Phân tích, so sánh nguyên lý làm việc của động cơ xăng 4 kì và 2 kì. + Phân tích, so sánh nguyên lý làm việc của động cơ Điezen 4 kì và 2 kì.	1		
			- Vận dụng: + Xác định các thông số kỹ thuật cơ bản của động cơ đốt trong.			1

TTCM

Trần Thị Hà

TIÊU CHÍ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 – TIN HỌC 11

NĂM HỌC 2024 – 2025

HÌNH THỨC:

Thực hành – Thời gian: 45’

YÊU CẦU KIẾN THỨC:

1. Kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu

- Hiểu khái niệm về cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- Hiểu các thuộc tính cơ bản của CSDL
- Hiểu được các thuật ngữ và khái niệm liên quan: bản ghi, trường (thuộc tính), khóa, khóa chính, khóa ngoại, liên kết dữ liệu

2. Thao tác làm việc với cơ sở dữ liệu

- Tạo và đặt tên CSDL
- Khai báo cấu trúc các bảng trong CSDL
- Khai báo khóa chính, khóa ngoại của mỗi bảng
- Tạo liên kết giữa các bảng
- Nhập liệu dữ liệu

TIÊU CHÍ CHẤM:

- Tạo và đặt tên CSDL (1 điểm)
- Khai báo cấu trúc các bảng CSDL (3 điểm)
- Khai báo khóa chính, khóa ngoại (3 điểm)
- Nhập dữ liệu (2 điểm)
- Viết báo cáo (1 điểm)

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
NHÓM: HDTN-HN

KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HKII
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
NĂM HỌC 2024 – 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

I. MỤC ĐÍCH – Ý NGHĨA

- Học sinh tạo được sản phẩm thể hiện những kết quả cơ bản của mình qua trải nghiệm các chủ đề: chủ đề 5 - Phát triển cộng đồng, chủ đề 6 - Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, chủ đề 7 - Bảo vệ môi trường.
- Phát triển các năng lực và phẩm chất của học sinh: Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực thiết kế tổ chức các hoạt động. Phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Bài thực hành của học sinh:
- + Bài viết (dưới dạng file word hoặc powerpoint) kết hợp hình ảnh, minh chứng.
- + Sơ đồ tư duy, video, tranh, poster, ...

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung :

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng	- Thể hiện được các hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng.
	- Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng và đề xuất được giải pháp quản lí thực hiện.
	- Xây dựng và thực hiện được một kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hóa mạng xã hội.

	- Tham gia xây dựng, phát triển cộng đồng. Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng đối với cá nhân và cộng đồng.
Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Chia sẻ được ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân.
	- Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương.
	- Lập được kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh và tuyên truyền, vận động mọi người bảo tồn cảnh quan, danh lam thắng cảnh theo kế hoạch đã lập.
	- Thực hiện những việc làm cần thiết để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh khi đến thăm những địa điểm tại địa phương.
	- Tham gia các hoạt động bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh do nhà trường, địa phương tổ chức.
Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường	- Nêu được những vấn đề cần chú ý trong bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.
	- Phân tích được những tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường tự nhiên tại địa phương. Đề xuất được kiến nghị để bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Cần xác định nội dung đầy đủ theo đúng chủ đề.		
2	Nội dung được trình bày chính xác, đa dạng, có cập nhật thông tin.		
3	Hình thức trình bày: hấp dẫn, sáng tạo, lôi cuốn,...		
4	Hoàn thành bài theo kế hoạch và thời gian đã xác định.		
5	Báo cáo kết quả thực hiện.		

- + Đạt: Học sinh đạt được 3 tiêu chí trở lên
- + Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 2 tiêu chí trở xuống

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá giữa học kì 2 cho học sinh khối 11 của nhóm HDTN-HN.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Người lập kế hoạch

Nhóm HDTN-HN

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II (Năm học 2024-2025)

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 11

(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn)

STT	Chủ đề/Bài học	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 5. Thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh.	- Vai trò của ngành thương mại - Điều kiện phát triển thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh - Tình hình phát triển thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Trình bày được vai trò của thương mại (nội thương, ngoại thương) trong quá trình phát triển kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế trong phát triển thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Xác định được các chợ đầu mối, trung tâm thương mại tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Trình bày được sự phát triển thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Chủ đề 6. Thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh	- Vai trò của thu hút đầu tư nước ngoài trong quá trình pt kinh tế ở TP HCM - Thế mạnh, hạn chế trong thu hút đầu tư nước ngoài ở TP HCM - Tình hình thu hút số vốn, số dự án đầu tư nước ngoài ở TP HCM	- Trình bày được vai trò của thu hút đầu tư nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế trong thu hút đầu tư nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Lấy được ví dụ một công trình/dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã và đang triển khai ở Thành phố Hồ Chí Minh; - Trình bày được tình hình thu hút số vốn, số dự án đầu tư nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh.